

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/ 8/ 2024

V/v tranh chấp yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long và ông Phạm Văn Tiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quang Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Thành V, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 36 đường A Ninh, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Thái Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993, bà và ông Trần Thành V có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thọ, huyện VQ, tỉnh H. Tuy nhiên, sau này khi vào tỉnh K sinh sống cho đến nay, bà đã làm mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, bà có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Quang Thọ, huyện VQ, tỉnh H xác nhận về việc bà có đăng ký kết hôn với ông Trần Thành V tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thọ, huyện VQ, tỉnh H. Tuy nhiên, ngày 16 tháng 4 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã Quang Thọ, huyện VQ, tỉnh H trả lời không còn lưu giữ hồ sơ hộ tịch của vợ chồng bà. Quá trình chung sống đến năm 2020, thì bà và ông V phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, yêu

thương nhau.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông Trần Thành V là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Ông Trần Thành V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như bà Thái Thị H trình bày ở trên là đúng sự thật. Tuy nhiên, sau này khi vào tỉnh K sinh sống đến nay, vợ chồng ông đã làm mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì ông và bà H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Vì vậy, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H là yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà Thái Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 và Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H đề ngày 24/5/2024 .

Không công nhận quan hệ giữa bà Thái Thị H và ông Trần Thành V là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Thái Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bị đơn là ông Trần Thành V (hiện đang trú tại số 36 đường A Ninh, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K), nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993 đến nay, các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thọ, huyện VQ, tỉnh H. Tuy nhiên, vì quá trình chuyển chỗ ở nên ông V và bà H đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì ông V và bà H phát sinh mâu thuẫn. Cả hai bên đều thừa nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét thấy: Tại Văn bản số 63/UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã Thọ quang, huyện VQ, tỉnh H thể hiện: từ ngày 26/6/2021 trở về trước gia đình ông V và bà H có sinh sống tại thôn 2, xã Thọ Quang nhưng chuyển đi nơi khác làm ăn và sinh sống thời gian nào không còn hồ sơ lưu trữ. Trong thời gian sinh sống tại địa phương thì vợ chồng ông V và bà H có đăng ký kết hôn hay không hiện tại xã không rõ. Vì từ năm 1999 trở về trước xã không còn hồ sơ lưu giữ mà chỉ lưu giữ hồ sơ từ năm 1999 trở lại nay (hồ sơ trong danh sách không có vợ chồng ông V và bà H). Tại Văn bản số 450/UBND-TPHT ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K thể hiện: Tại Ủy ban nhân dân phường Trường Chinh không có tên trường hợp nêu trên đã đăng ký kết hôn tại phường. Như vậy, không có cơ sở xác định ông V và bà H đã đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông V và bà H là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Đã trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Thái Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 và Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H đề ngày 24/5/2024

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Thái Thị H và ông Trần Thành V là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Thái Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000136 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Bà H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2024) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng